TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 - HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 30/2026/QĐST-HNGĐ	*Hải Phòng, ngày 12 tháng 02 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - HẢI PHÒNG

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 30/2026/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 01 năm 2026 về việc Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thoả thuận nuôi con, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. Anh Trần Đức T, sinh năm 1996; nơi cư trú: tổ dân phố C, phường H, thành phố Hải Phòng;

2. Chị Trần Thị Hải Y, sinh năm 1996; nơi cư trú: Thôn T, xã K, thành phố Hải Phòng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Đức T và chị Trần Thị Hải Y đăng ký kết hôn ngày 29/12/2021 tại Uỷ ban nhân dân xã M, huyện K, (nay là xã Kiến Minh), thành phố Hải Phòng trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn tình cảm do có nhiều khác biệt về quan điểm sống. Hiện nay, vợ chồng đang sống ly thân và không còn quan tâm gì đến nhau. Nay, anh chị đều xét thấy mâu thuẫn tình cảm vợ chồng đã trầm trọng, kéo dài, không thể hàn gắn được, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn.

[2] Về con chung: Anh T và chị Y có 01 con chung là Trần Gia K, Sinh ngày 16/9/2022, anh T, chị Y thống nhất giao con chung cho chị Y trực tiếp trông nom, chăm sóc; về nghĩa vụ cấp dưỡng: Anh T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con là

3.000.000 (ba triệu) đồng/tháng kể từ tháng 02 năm 2026 đến khi con chung đủ 18 tuổi.

[3[Về tài sản chung: Anh T và chị Y tự thoả thuận nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí: Anh T và chị Y nhận nộp toàn bộ lệ phí sơ thẩm giải quyết yêu cầu về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng.

[5] Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 04 tháng 02 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Đức T và chị Trần Thị Hải Y thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh T và chị Y có 01 con chung là Trần Gia K, Sinh ngày 16/9/2022, anh T, chị Y thống nhất giao con chung cho chị Y trực tiếp trông nom, chăm sóc; về nghĩa vụ cấp dưỡng: Anh T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con là 3.000.000 (ba triệu) đồng/tháng kể từ tháng 02 năm 2026 đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày chị Y có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh T chưa thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nêu trên, thì hàng tháng anh T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

- Về tài sản chung: Anh T và chị Y tự thoả thuận nên không đề nghị Toà án giải quyết.

- Về vấn đề khác: Không có.

2. Về lệ phí: Anh T và chị Y nhận nộp toàn bộ lệ phí sơ thẩm giải quyết yêu cầu về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000939 ngày 20 tháng 01 năm 2026 của Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng; Anh T và chị Y đã nộp đủ lệ phí sơ thẩm giải quyết yêu cầu về hôn nhân và gia đình.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND TP Hải Phòng;
- THADS TP Hải Phòng;
- VKSND khu vực 4 - Hải Phòng;
- UBND xã Kiến Minh, TP Hải Phòng.

(Đăng ký kết hôn ngày 29/12/2021);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

THẨM PHÁN

Đỗ Thị Như Quỳnh